TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 9 – 2025
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Cao Hồng Cẩm
Ông Nguyễn Hoàng Dân

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Bích Như - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau tỉnh Cà Mau.

- **- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn P, sinh năm 1970, số CCCD: …
Địa chỉ cư trú: Đường liên ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1978, số CCCD: 0961…
Địa chỉ cư trú: Khóm F, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Khóm F, phường T, tỉnh Cà Mau.
(Ông P, bà T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của ông Châu Văn P trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, ông và bà Trần Thị Thu T chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông bà đã ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay xét thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung, ông và bà T có 02 con chung tên là Châu Cao H, sinh ngày 20/5/1995 và Châu Cao C, sinh ngày 01/12/2008, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2025 của bà Trần Thị Thu T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Bà và ông Châu Văn P chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C cũ, nay là Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau vào năm 1995 nhưng Giấy đăng ký kết hôn không ghi ngày tháng năm và không đóng dấu mộc đỏ của Ủy ban nhân dân Phường B nên bà cho rằng Giấy này không hợp lệ, bà và ông P chung sống không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn đã lâu do không có tiếng nói chung, ông bà đã ly thân 03 năm nay, mỗi người sống một nơi, không hàn gắn được. Nay ông P xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung, bà và ông P có 02 con chung tên là Châu Cao H, sinh ngày 20/5/1995 và Châu Cao C, sinh ngày 01/12/2008, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Do hiện nay bà đi làm xa, không thể tham gia tố tụng nên bà xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Châu Văn P ly hôn với bà Trần Thị Thu T.Về con chung, hiện nay các con đã trưởng thành, không đề cập xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn là ông Châu Văn P, bà Trần Thị Thu T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt có lý do chính đáng do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông Châu Văn P, xét thấy, ông P và bà T đều xác định, ông bà chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn do bản chính Giấy đăng ký kết hôn không ghi ngày tháng năm, không đóng dấu mộc đỏ của Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố C cũ, nay là Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau. Nhưng tại Công văn số 95/UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau thể hiện: Qua kiểm tra tàng thư hộ tịch (Sổ bộ kết hôn) của Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau lưu trữ có thông tin kết hôn như sau: Thông tin chồng: Châu Cẩm P1, sinh năm 1970; Vợ : Trần Thị Thu T, sinh năm 1078 được B, thành phố C, tỉnh Cà Mau đăng ký số 51/1999, cấp ngày 07/7/1999". Như vậy, có đủ cơ sở xác định, ông P1 và bà T chung sống với nhau từ năm 1995, đến năm 1999 thì đi đăng ký kết hôn tại B, thành phố C, nay là UBND Phường A, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông P1 và bà T đều cho rằng trong quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay, không thể hàn gắn được nên ông P1 yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý. Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa ông P1 và bà T đã có mâu thuẫn trầm trọng, ông P1 và bà T thống nhất ly hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung, ông P1 và bà T có 02 con chung tên là Châu Cao H, sinh ngày 20/5/1995 và Châu Cao C, sinh ngày 01/12/2008, hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông P1 cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, còn bà T cho rằng khi ly hôn, tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về nợ chung, ông P1 và bà T xác định không có.

[6] Ông P1 và bà T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Châu Văn P và bà Trần Thị Thu T ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Châu Cao H, sinh ngày 20/5/1995 và Châu Cao C, sinh ngày 01/12/2008, hiện nay các con đã trưởng thành, không đề cập xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Ông P nộp 75.000đ. Ngày 23 tháng 5 năm 2025, ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0010910 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, ông P được nhận lại 225.000đ.

Bà T nộp 75.000đ, chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông P, bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- UBND Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh